TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08-01-2018
V/v tranh chấp yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Tính
Bà Trịnh Thị Mai Hương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa***: ông Vũ Đình Rư - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 491/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2017/QĐXX-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thái H- Sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lý Thị T- Sinh năm: 1995;

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Thái H trình bày:

Vào năm 2012, ông Nguyễn Thái H tự nguyện chung sống với bà Lý Thị T trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận số 112/2015 ngày 30 tháng 7 năm 2015 tại UBND thị trấn B, huyện M, tỉnh BR-VT.

Sau khi kết hôn, bà T và ông H chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, đời sống

hôn nhân không còn hạnh phúc và mâu thuẫn ngày một trầm trọng. Tháng 01/2017, bà T và ông H sống ly thân đến nay.

Trong thời gian ly thân, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay, ông H cho rằng ông không còn tình cảm với bà Lý Thị T nữa, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ông đã quá trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với bà Lý Thị T.

Về con chung: Ông H và bà T trong quá trình chung sống có với nhau 01 con chung là Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2012. Từ thời điểm ly thân đến nay, cháu T sống trực tiếp với bà T. Nay, ông H nhận thấy cháu T còn nhỏ, đã sống ổn định với bà T nên đồng ý giao cháu T cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là bà Lý Thị T trong bản khai ngày 22/11/2017 trình bày:

Bị đơn bà Lý Thị T xác nhận về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với lời khai của ông H. Bà Tcho biết nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp nhau, giữa bà T và ông H thường xuyên xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn ngày một trầm trọng và vợ chồng phải sống ly thân nhau từ đầu 2017 đến nay. Nay, qua yêu cầu của ông H thì bà T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà T xác nhận vợ chồng 01 con chung là Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2012. Từ khi ly thân đến nay, cháu T sống trực tiếp với bà T. Nếu vợ chồng ly hôn, bà T yêu cầu tiếp tục nuôi cháu T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và các vấn đề khác trong hôn nhân: Bà T không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, ông H giữ nguyên yêu cầu của mình, không thay đổi, bổ sung gì thêm.

Đại diện VKS nhân dân huyện M phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Bị đơn bà Lý Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt là đúng pháp luật.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lý Thị T có nơi cư trú tại huyện M nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39

Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn bà Lý Thị T vắng mặt lần thứ nhất tại phiên toà sơ thẩm nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

- *Về yêu cầu ly hôn*: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị T và anh Nguyễn Thái H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện M ngày 30/7/2015. Do vậy, theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đủ cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp.

Ông H và bà Tchung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân hai vợ chồng đều thừa nhận là do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gỗ, cải vã nhau và mâu thuẫn ngày một trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung phải ly thân nhau. Trong thời gian ly thân thì cũng không gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn, không ai quan tâm đến ai, nay hai bên đều xác định không thể khắc phục để quay về sống hạnh phúc và đồng ý ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự đồng thời thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

- Về con chung: Ông H và bà Txác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2012. Xét, con chung đang sống trực tiếp bà T, cháu phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần. Nay, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi, ông H đồng ý nên giao cháu T cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Bà T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội thì nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

***Tuyên xử*:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thái H. Ông Nguyễn Thái Hđược ly hôn với bà Lý Thị T.

2. *Về con chung*: Bà Lý Thị T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2012 cho đến khi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Thái H và bà Lý Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*:

- Ông Nguyễn Thái H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số TU/2016/0007024 ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện M. Ông Nguyễn Thái H đã nộp xong tiền án phí.

- Bà Lý Thị T không phải chịu án phí sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND TT. Phước Bửu;
- Các đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền